

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
KHANH HOA POWER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 3853/KHPC-TTH

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2026

V/v CBTT BCTC soát xét 6 tháng
đầu năm 2026 và công văn giải
trình KQ SXKD

Khanh Hoa, August 14, 2026

*Re: Disclosure of the Reviewed
Interim Financial Statements for
the first half of 2026 and the
Explanatory letter on business
performance*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

To: - *The State Securities Commission;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Organization name: KHANH HOA POWER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: KHP

- Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn – Phường Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa

Address: 11 Ly Thanh Ton Street – Nha Trang Ward – Khanh Hoa Province

- Điện thoại/Telephone: 02582.220220

Fax: 02583.823828

- E-mail: pckhanhhoa@cpc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

- Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Reviewed Interim Financial Statements for the first half of 2026 of Khanh Hoa Power Joint Stock Company.

- Công văn số 3850/KHPC-TCKT ngày 14/8/2026 của Công ty về việc giải trình kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026.

Official Letter No. 3850/KHPC-TCKT dated August 14, 2026 regarding the explanation of the Company's business performance for the first half of 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2026 tại đường dẫn: <https://pckhanhhoa.cpc.vn/> Quan hệ cổ đông/Thông tin định kỳ.

This information was published on the Company's website on August 14, 2026 at the following link: <https://pckhanhhoa.cpc.vn/> Quan he co dong/Thong tin dinh ky.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./. 

Nơi nhận: Recipients

- Như trên/As above;
- HĐQT, BKS Công ty/BOD, BOS;
- Ban TGĐ Công ty/Executive Board;
- TCKT/Finance & Accounting Dept;
- Lưu: VT, TTH/ File: Doc. Control, Gen. Affairs.

Tài liệu đính kèm/Attachment:

- BCTC soát xét 6 tháng năm 2026/Reviewed Interim Financial Statements for the first half of 2026;
- CV giải trình KQ SXKD/Explanatory letter on business performance.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director**



**Nguyễn Hải Đức
Mr. Nguyen Hai Duc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 50

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Cao Ký	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT độc lập	
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11/06/2026
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 11/06/2026
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT	

Tổ kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hoài Nam	Tổ trưởng
Ông Lê Anh Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sính	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Chí	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/06/2026
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11/06/2026
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Hải Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại từ ngày 01/01/2026
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại từ ngày 01/01/2026
Ông Nguyễn Đặng Thanh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Chí Diểu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Hải Đức, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Đức

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Số: 349/2026/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Kim Văn Việt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.264.209.233.735	942.892.968.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	11.233.489.324	8.881.865.002
1. Tiền	111		11.233.489.324	8.881.865.002
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		339.961.589.038	358.336.219.177
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	4.2	339.961.589.038	358.336.219.177
2. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		851.871.062.028	521.236.978.532
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	751.409.015.094	466.515.493.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	43.285.760.608	16.732.298.403
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	4.5	61.248.286.326	42.061.187.071
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	4.6	(4.072.000.000)	(4.072.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	40.078.832.838	27.417.441.950
1. Hàng tồn kho	141		40.078.832.838	27.417.441.950
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		21.064.260.507	27.020.464.225
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	4.8	3.745.342.903	3.890.790.061
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	4.16	17.318.917.604	23.129.674.164
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.153.559.572.365	1.226.029.068.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	215	4.5	100.000.000	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		990.300.247.594	1.054.372.701.952
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	988.389.734.646	1.051.038.832.327
Nguyên giá	222		4.111.223.624.721	4.080.608.048.177
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.122.833.890.075)	(3.029.569.215.850)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	1.910.512.948	3.333.869.625
Nguyên giá	228		35.510.898.047	35.510.898.047
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.600.385.099)	(32.177.028.422)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		64.899.999.908	74.478.670.163
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	4.11	64.899.999.908	74.478.670.163
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	4.12	30.449.610.000	30.449.610.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		4.650.000.000	4.650.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		25.799.610.000	25.799.610.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		67.809.714.863	66.628.086.055
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	4.8	67.809.714.863	66.628.086.055
2. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.417.768.806.100	2.168.922.037.056

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.766.589.427.374	1.468.289.567.906
I. Nợ ngắn hạn	310		1.154.425.224.556	794.359.467.960
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	701.762.038.007	356.174.878.660
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	16.126.636.348	16.904.310.948
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	4.15	30.194.818.780	6.445.780
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	4.16	1.571.761.018	16.132.771.364
5. Phải trả người lao động	315	4.17	97.005.006.245	124.342.595.488
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	4.18	72.892.377.416	84.651.644.290
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	4.19	3.290.250.819	2.723.466.654
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	4.20	57.683.473.903	17.131.217.187
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	4.22	136.665.722.034	142.941.074.387
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.21	37.233.139.986	33.351.063.202
II. Nợ dài hạn	330		612.164.202.818	673.930.099.946
1. Phải trả dài hạn khác	338	4.20	71.089.976.354	63.609.667.314
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	4.22	540.576.578.064	609.822.784.232
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		497.648.400	497.648.400
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.23	651.179.378.726	700.632.469.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.443.636.522	9.443.636.522
4. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(218.146.117)	(218.146.117)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.130.697.119	1.130.697.119
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37.234.194.566	86.687.284.990
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		36.136.505.670	29.975.682.459
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		1.097.688.896	56.711.602.531
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.417.768.806.100	2.168.922.037.056



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	4.213.459.970.240	3.636.528.415.445
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.213.459.970.240	3.636.528.415.445
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	4.106.734.668.830	3.531.502.895.374
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.725.301.410	105.025.520.071
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.3	11.095.423.475	10.220.048.908
8. Chi phí tài chính	23	5.4	26.939.815.177	27.476.976.543
Trong đó, chi phí lãi vay	24		26.839.778.596	26.489.174.678
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	41.060.734.895	32.839.060.957
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	55.422.746.286	39.073.249.569
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.602.571.473)	15.856.281.910
12. Thu nhập khác	31	5.7	8.687.257.867	946.832.998
13. Chi phí khác	32	5.8	1.792.483.915	1.052.499.142
14. Lợi nhuận khác	40		6.894.773.952	(105.666.144)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.292.202.479	15.750.615.766
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	194.513.583	3.214.734.731
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.097.688.896	12.535.881.035
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.23.5	18	133
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.23.6	18	133



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.292.202.479	15.750.615.766
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		117.031.590.977	116.589.076.879
Các khoản dự phòng	03		-	(69.148.490)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		100.036.581	987.801.865
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(15.972.897.217)	(10.017.801.448)
Chi phí đi vay	06		26.839.778.596	26.489.174.678
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		129.290.711.416	149.729.719.250
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(314.352.893.917)	(223.782.268.928)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.661.390.888)	12.028.862.385
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		338.138.303.046	256.681.317.642
Tăng giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.221.908.608)	994.117.221
Chi phí đi vay đã trả	14		(26.728.496.734)	(26.720.946.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.553.705.400	1.693.048.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(17.718.929.536)	(14.685.436.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		96.299.100.179	155.938.411.979
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(52.673.408.111)	(134.666.293.474)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.957.452.125	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(160.000.000.000)	(150.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		180.000.000.000	200.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.390.075.231	6.389.445.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.325.880.755)	(78.276.848.191)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	-	128.816.505.467
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(75.621.595.102)	(263.806.796.040)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(30.187.564.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.621.595.102)	(165.177.855.073)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.881.865.002	112.526.453.409
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		11.233.489.324	25.010.162.124



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Điện lực Khánh Hòa – Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/06/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000162 ngày 30/06/2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Khánh Hòa cấp. Từ đó đến nay, Công ty đã 16 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 11/08/2025 với mã số doanh nghiệp là 4200601069.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/04/2010.

Ngày 08/12/2006 UBCK Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCKGPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán KHP. Theo đó, ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán KHP là ngày 27/12/2006.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 604.059.670.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 893 người (31 tháng 12 năm 2025 là 903 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh điện năng, xây dựng công trình điện.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc. Chi tiết: Xây dựng các công trình viễn thông công cộng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thi công, lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện; Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; cài đặt, lắp đặt, kiểm tra các loại trang thiết bị điện, bảo vệ, điều khiển; Thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện đến cấp điện áp 110kV;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng;
- Các hoạt động khác...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có một công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	31%	31%	31%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 như trình bày sau đây:

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ tài chính.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 có ảnh hưởng đến Công ty theo phương pháp điều chỉnh phi hồi tố theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 30, Thông tư 99.

Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với yêu cầu trình bày của Thông tư 99 và được trình bày tại Thuyết minh số 10.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.5. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thể bị tổn thất thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho và tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2026

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▪ Khác	03 – 10 năm

3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.10. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.11. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.13. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân loại là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thay công tơ cháy hỏng định kỳ và chi phí công tơ phát triển mới;
- Các khoản chi phí trả trước khác (chủ yếu là giá trị chi phí thiết bị đo xa, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng chờ phân bổ và chi phí thuê đất).

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả cổ tức, lợi nhuận và phải trả khác theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận là các khoản cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) phải trả cho các cổ đông của công ty;
- Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn trong kỳ báo cáo hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước mua điện mặt trời mái nhà, chi phí kiểm định công tơ, chi phí cước viễn thông,...

3.17. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chờ phân bổ khác.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chờ phân bổ vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

3.18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 05 năm kể từ khi trích lập quỹ, Công ty có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.19. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình được bán, giá trị quyền chọn chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, các chi phí liên quan trực tiếp đến phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.20. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó.

Doanh thu dịch vụ bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện của kỳ sử dụng điện gần nhất trước ngày lập Báo cáo tài chính) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.21 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.21. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.23. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng), chi phí hội nghị khách hàng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí công tơ phân bổ và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.25. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế theo quy định hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2026 theo quy định tại Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**3.27. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.28. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

3.29. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền mặt	170.230.263	237.788.010
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.063.259.061	8.644.076.992
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.556.694.599	3.812.837.403
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	2.417.895.182	838.279.302
- Ngân hàng Công thương Việt Nam	4.301.445.788	1.937.241.409
- Các ngân hàng khác	2.787.223.492	2.055.718.878
Cộng	11.233.489.324	8.881.865.002

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn:						
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	170.000.000.000	170.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000	-
+ NH TMCP An Bình	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
+ NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	160.000.000.000	160.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	160.000.000.000	160.000.000.000	-	260.000.000.000	260.000.000.000	-
+ NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	160.000.000.000	160.000.000.000	-	260.000.000.000	260.000.000.000	-
- Lãi tiền gửi dự thu	9.961.589.038	9.961.589.038	-	8.336.219.177	8.336.219.177	-
Cộng	339.961.589.038	339.961.589.038	-	358.336.219.177	358.336.219.177	-

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl	16.035.944.863	-	7.622.121.230	-
Công ty TNHH Đóng tàu HD Hyundai Việt Nam	5.379.571.400	-	5.710.273.394	-
Trung tâm Phát triển Quý đất tỉnh Khánh Hoà	8.844.441.000	-	8.844.441.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	4.072.000.000	(4.072.000.000)	4.072.000.000	(4.072.000.000)
Các đối tượng khác	717.077.057.831	-	440.266.657.434	-
Cộng	751.409.015.094	(4.072.000.000)	466.515.493.058	(4.072.000.000)
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 8	557.040.078	-	92.567.216	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1	5.673.240.180	-	6.071.124.690	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế điện Bách Khoa	4.419.812.364	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện ADP	4.573.755.720	-	-	-
Các đối tượng khác	28.618.952.344	-	10.661.173.713	-
Cộng	43.285.760.608	-	16.732.298.403	-
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 8	3.085.693.127	-	965.888.975	-

4.5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.000.000	-	321.105.400	-
Ký cược, ký quỹ	228.299.743	-	1.302.781.812	-
Tạm ứng	462.555.000	-	101.605.000	-
Thuế GTGT đầu vào chờ kê khai	59.481.116.772	-	38.409.196.399	-
Phải thu khác	1.070.314.811	-	1.926.498.460	-
Cộng	61.248.286.326	-	42.061.187.071	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan – xem thêm mục 8	6.000.000	-	321.105.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**b. Dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Dài hạn				
Cầm cổ, ký cược, ký quỹ dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-	100.000.000	-

4.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.072.000.000	-	4.072.000.000	-
Cộng	4.072.000.000	-	4.072.000.000	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND			Tại ngày 01/01/2026 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
- Khách hàng tiền điện	-	-		-	-	
- Khách hàng khác	4.072.000.000	-		4.072.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	4.072.000.000	-	Trên 3 năm	4.072.000.000	-	Trên 3 năm
Cộng	4.072.000.000	-		4.072.000.000	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.008.682.686	-	20.542.664.087	-
Công cụ, dụng cụ	3.163.678.307	-	1.235.645.692	-
Chi phí SX, KD dở dang	8.906.471.845	-	5.639.132.171	-
Cộng	40.078.832.838	-	27.417.441.950	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

4.8. Chi phí chờ phân bổ

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bản quyền, dịch vụ công nghệ thông tin	3.674.731.180	3.592.990.699
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	70.611.723	297.799.362
Cộng	3.745.342.903	3.890.790.061
Dài hạn:		
Chi phí thay công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	26.330.480.457	25.209.293.423
Công tơ phát triển mới	7.752.391.538	7.751.338.792
Chi phí thiết bị đo xa	17.575.033.699	16.366.686.822
Chi phí công cụ dụng cụ	8.485.680.292	9.259.999.496
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.666.128.877	8.040.767.522
Cộng	67.809.714.863	66.628.086.055

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2026	262.595.737.170	1.370.209.654.531	2.302.519.541.905	135.951.934.270	9.331.180.301	4.080.608.048.177
Mua trong kỳ	-	2.368.182.980	-	79.284.000	-	2.447.466.980
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	1.084.900.141	49.572.043.887	-	-	50.656.944.028
Phân loại lại tài sản	-	(7.096.965.892)	7.096.965.892	-	-	-
Tăng khác	-	476.650.706	-	-	-	476.650.706
Giảm do thanh lý	-	(14.488.872.312)	(3.843.607.353)	(83.145.000)	-	(18.415.624.665)
Giảm khác	-	(225.052.656)	(4.050.106.258)	-	(274.701.591)	(4.549.860.505)
Tại ngày 30/06/2026	262.595.737.170	1.352.328.497.498	2.351.294.838.073	135.948.073.270	9.056.478.710	4.111.223.624.721
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2026	127.726.665.286	1.041.257.587.761	1.728.337.400.343	123.418.686.602	8.828.875.858	3.029.569.215.850
Khấu hao trong kỳ	5.897.409.792	40.207.116.118	64.992.448.959	4.144.197.515	181.334.958	115.422.507.342
Phân loại lại tài sản	-	(3.459.616.858)	3.459.616.858	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	(14.488.872.312)	(3.843.607.353)	(83.145.000)	-	(18.415.624.665)
Giảm khác	-	(214.942.654)	(3.252.564.207)	-	(274.701.591)	(3.742.208.452)
Tại ngày 30/06/2026	133.624.075.078	1.063.301.272.055	1.789.693.294.600	127.479.739.117	8.735.509.225	3.122.833.890.075
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2026	134.869.071.884	328.952.066.770	574.182.141.562	12.533.247.668	502.304.443	1.051.038.832.327
Tại ngày 30/06/2026	128.971.662.092	289.027.225.443	561.601.543.473	8.468.334.153	320.969.485	988.389.734.646

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.575.552.502.828 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 580.084.021 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phân mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	15.971.514.735	19.539.383.312	35.510.898.047
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	15.971.514.735	19.539.383.312	35.510.898.047
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	14.106.401.128	18.070.627.294	32.177.028.422
Khấu hao trong kỳ	250.528.770	1.172.827.907	1.423.356.677
Tại ngày 30/06/2026	14.356.929.898	19.243.455.201	33.600.385.099
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	1.865.113.607	1.468.756.018	3.333.869.625
Tại ngày 30/06/2026	1.614.584.837	295.928.111	1.910.512.948

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.961.140.077 VND.

Không có TSCĐ vô hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Danh mục tài sản cố định vô hình có nguyên giá chiếm trên 10% tổng nguyên giá:

Tên tài sản	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Hệ thống SCADA/DMS tại trung tâm điều khiển	10.936.657.556	-	10.936.657.556	1.155.354.059

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
KHO.CTXD21CTH01 - Cải tạo Đường dây 110kV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	33.827.982.721	33.132.013.417
KHO.CTXD24NTR04 - Hạ ngầm lưới điện đường Lê Thánh Tôn KHPC năm 2023	-	20.692.948.010
Các công trình xây dựng cơ bản khác	31.072.017.187	20.653.708.736
Cộng	64.899.999.908	74.478.670.163

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4.650.000.000		-	4.650.000.000		-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	Không xác định	-	4.650.000.000	Không xác định	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.799.610.000		-	25.799.610.000		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	13.824.610.000	Không xác định	-	13.824.610.000	Không xác định	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	11.975.000.000	20.960.082.000	-	11.975.000.000	22.741.004.000	-
Cộng	30.449.610.000		-	30.449.610.000		-

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Tại ngày báo cáo, giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ (Công ty xác định chi phí bán không đáng kể). Giá trị có thể thu hồi tại ngày 30/06/2026 và tại ngày 01/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại các ngày tương ứng là 30/06/2026 (15.300đ/CP) và 31/12/2025 (16.600đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.369.940 cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá có thể bán của các khoản đầu tư này. Giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc của khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	583.873.333.601	317.938.386.007
Các đối tượng khác	117.888.704.406	38.236.492.653
Cộng	701.762.038.007	356.174.878.660
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	588.920.814.689	321.575.977.345

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Trung tâm phát triển Quỹ đất Khánh Hòa	1.612.305.526	1.612.305.526
Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất phường Nam Nha Trang	4.526.744.585	4.526.744.585
Trung tâm phát triển Quỹ đất Thị xã Ninh Hòa (Nay là: Chi nhánh Phát triển quỹ đất Khu vực Ninh Hoà)	2.369.188.134	2.369.188.134
Các đối tượng khác	7.618.398.103	8.396.072.703
Cộng	16.126.636.348	16.904.310.948
Trong đó: Người mua trả trước là bên liên quan - Xem thêm mục 8	162.753.723	162.753.723

4.15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức năm 2025	30.188.373.000	-
Phải trả về cổ tức các năm khác	6.445.780	6.445.780
Cộng	30.194.818.780	6.445.780

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2026		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	1.345.721.940	9.674.635.209	22.539.074.650	-	14.210.161.381
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.211.574.605	-	194.513.583	-	17.406.088.188	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	226.039.078	11.003.862.935	12.700.433.840	-	1.922.609.983
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	107.342.999	-	8.019.328.672	2.403.085.695	5.723.585.976	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	22.701.615	22.701.615	-	-
Cộng	17.318.917.604	1.571.761.018	28.915.042.014	37.665.295.800	23.129.674.164	16.132.771.364

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền lương, thưởng phải trả cán bộ, nhân viên	97.005.006.245	124.342.595.488
Cộng	97.005.006.245	124.342.595.488

4.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Lãi vay dự trả	2.104.256.978	1.992.975.116
Chi phí phải trả khác	70.788.120.438	82.658.669.174
Cộng	72.892.377.416	84.651.644.290
Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	533.686.625	589.446.555

4.19. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Cho khách hàng thuê MBA	1.975.504.053	1.760.731.191
Cho khách hàng thuê văn phòng	543.833.280	566.840.880
Doanh thu nhận trước hoạt động khác	770.913.486	395.894.583
Cộng	3.290.250.819	2.723.466.654
Trong đó: Doanh thu chờ phân bổ các bên liên quan - Xem thêm mục 8	21.493.080	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.20. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	225.315.450	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.152.345.342	558.673.252
Thuế GTGT đầu ra chờ kê khai	54.144.095.503	16.083.560.865
Các khoản phải trả khác	2.161.717.608	488.983.070
Cộng	57.683.473.903	17.131.217.187
Dài hạn		
Tiền ký cược sử dụng điện	69.550.743.554	61.911.411.314
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	1.539.232.800	1.698.256.000
Cộng	71.089.976.354	63.609.667.314

4.21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND
Số dư đầu kỳ	33.351.063.202
Trích quỹ trong kỳ	20.362.406.320
Tăng khác trong kỳ	1.238.600.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(17.718.929.536)
Số dư cuối kỳ	37.233.139.986

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.22. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	136.611.031.851	136.611.031.851	69.346.242.749	75.621.595.102	142.886.384.204	142.886.384.204
Nợ dài hạn đến hạn trả	54.690.183	54.690.183	-	-	54.690.183	54.690.183
Cộng	136.665.722.034	136.665.722.034	69.346.242.749	75.621.595.102	142.941.074.387	142.941.074.387

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

b. Dài hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:	661.506.060.069	661.506.060.069	100.036.581	75.621.595.102	737.027.618.590	737.027.618.590
Tập đoàn điện lực Việt Nam	3.331.510.703	3.331.510.703	11.203.221	1.106.752.543	4.427.060.025	4.427.060.025
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	26.416.446.120	26.416.446.120	88.833.360	1.462.645.007	27.790.257.767	27.790.257.767
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa	111.886.500.000	111.886.500.000	-	15.387.000.000	127.273.500.000	127.273.500.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	-	4.553.995.000	4.553.995.000	4.553.995.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	201.771.286.051	201.771.286.051	-	22.490.472.000	224.261.758.051	224.261.758.051
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3.323.292.455	3.323.292.455	-	1.042.305.552	4.365.598.007	4.365.598.007
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	141.928.040.000	141.928.040.000	-	16.377.064.000	158.305.104.000	158.305.104.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	2.968.004.000	2.968.004.000	-	3.037.428.000	6.005.432.000	6.005.432.000
Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	11.720.622.404	11.720.622.404	-	1.753.933.000	13.474.555.404	13.474.555.404
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	86.676.652.597	86.676.652.597	-	8.410.000.000	95.086.652.597	95.086.652.597
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	71.483.705.739	71.483.705.739	-	-	71.483.705.739	71.483.705.739
Nợ dài hạn khác	15.736.240.029	15.736.240.029	-	-	15.736.240.029	15.736.240.029
Sở tài chính Khánh Hòa	15.607.375.029	15.607.375.029	-	-	15.607.375.029	15.607.375.029
Các đối tượng khác	128.865.000	128.865.000	-	-	128.865.000	128.865.000
Cộng	677.242.300.098	677.242.300.098	100.036.581	75.621.595.102	752.763.858.619	752.763.858.619
Số phải trả trong vòng 12 tháng	136.665.722.034	136.665.722.034			142.941.074.387	142.941.074.387
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	136.611.031.851	136.611.031.851			142.886.384.204	142.886.384.204
Nợ dài hạn đến hạn trả	54.690.183	54.690.183			54.690.183	54.690.183
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	540.576.578.064	540.576.578.064			609.822.784.232	609.822.784.232
Trong đó: Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	29.747.956.823	29.747.956.823			32.217.317.792	32.217.317.792



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn được chi tiết như sau:

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
I.	VAY DÀI HẠN												
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam					\$ 125.878,89	3.331.510.703	1.110.536.915	2.220.973.788	\$ 167.837,89	4.427.060.025	2.213.554.939	2.213.505.086
	Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	USD	1,2%/năm	19 năm	06 tháng, từ ngày 15/06/2010	\$ 125.878,89	3.331.510.703	1.110.536.915	2.220.973.788	\$ 167.837,89	4.427.060.025	2.213.554.939	2.213.505.086
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung					\$ 998.127,64	26.416.446.120	23.481.285.734	2.935.160.386	\$1.053.579,17	27.790.257.767	24.864.967.753	2.925.290.014
	TBA 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	USD	6,06%/năm	25 năm	06 tháng, từ ngày 05/02/2021	\$ 998.127,64	26.416.446.120	23.481.285.734	2.935.160.386	\$1.053.579,17	27.790.257.767	24.864.967.753	2.925.290.014
3	Quý Đầu tư Phát triển Khánh Hòa					-	111.886.500.000	84.868.000.000	27.018.500.000	-	127.273.500.000	97.739.500.000	29.534.000.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, cải tạo các TBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	7,9%/năm đến 8,29%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 60 tháng đến 120 tháng (Tùy thuộc khoản vay)	01 tháng, từ tháng 5/2018 đến từ tháng 9/2025 (tùy thuộc vào khoản vay)		111.886.500.000	84.868.000.000	27.018.500.000		127.273.500.000	97.739.500.000	29.534.000.000
4	Ngân hàng TMCP An Bình					-	-	-	-	-	4.553.995.000	823.655.000	3.730.340.000
	Sửa chữa điện nóng Khánh Hòa - Hotline	VND	10,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 9/2016		-	-	-		435.600.000	-	435.600.000
	Vay tài trợ dự án Amorphuos	VND	10,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		-	-	-		875.000.000	175.000.000	700.000.000
	Dự án NCS E33 lắp MBA T2 T.110KV Nam Cam Ranh	VND	10,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		-	-	-		3.243.395.000	648.655.000	2.594.740.000
5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					-	201.771.286.051	156.270.342.051	45.500.944.000	-	224.261.758.051	181.152.814.051	43.108.944.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	Từ 8,4%/năm đến 8,7%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 120 tháng đến 240 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	03 tháng, từ tháng 7/2014 đến từ tháng 10/2026 (tùy thuộc vào khoản vay)		201.771.286.051	156.270.342.051	45.500.944.000		224.261.758.051	181.152.814.051	43.108.944.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội					-	3.323.292.455	1.238.681.351	2.084.611.104	-	4.365.598.007	2.280.986.903	2.084.611.104
	Các khoản vay liên quan đến nâng cấp cải tạo hệ thống liên quan đến ngành điện	VND	8,7%/năm	Từ 60 tháng đến 120 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	01 tháng hoặc 03 tháng, từ tháng 01/2019 đến từ tháng 7/2020 (tùy thuộc vào khoản vay)		3.323.292.455	1.238.681.351	2.084.611.104		4.365.598.007	2.280.986.903	2.084.611.104
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					-	141.928.040.000	109.469.143.000	32.458.897.000	-	158.305.104.000	125.548.207.000	32.756.897.000
	01.KHPC/HĐTD - Các công trình giảm tổn thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện 2018 (Agribank)	VND	8,65%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2019		17.675.000.000	11.365.000.000	6.310.000.000		20.830.000.000	14.520.000.000	6.310.000.000
	02.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 28 dự án năm 2018 chuyển tiếp - Agribank	VND	8,7%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		27.947.458.000	19.947.458.000	8.000.000.000		31.947.458.000	23.947.458.000	8.000.000.000
	03.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 11 dự án các công trình HTLD trung áp năm 2019 - Agribank	VND	8,4%/năm	126 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		17.047.274.000	12.767.274.000	4.280.000.000		19.187.274.000	14.907.274.000	4.280.000.000
	04.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm xe gầu Hotline và hệ thống dụng cụ bypass	VND	8,6%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		4.785.779.000	3.633.779.000	1.152.000.000		5.361.779.000	4.209.779.000	1.152.000.000
	06.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	8,4%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 11/2022		35.247.911.000	28.887.911.000	6.360.000.000		38.427.911.000	32.067.911.000	6.360.000.000
	07.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	8,4%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		14.320.820.000	11.720.820.000	2.600.000.000		15.620.820.000	13.020.820.000	2.600.000.000
	08.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	8,4%/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		300.769.000	-	300.769.000		598.769.000	-	598.769.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
	09.2023.KHPC/HĐTD - Các dự án ĐTXD thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	8,4%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		15.973.548.000	13.770.300.000	2.203.248.000		17.075.172.000	14.871.924.000	2.203.248.000
	10.2023.KHPC/HĐTD - Dự án ĐTXD 22NTR02 thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	8,4%/năm	117 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		2.442.190.000	2.093.310.000	348.880.000		2.616.630.000	2.267.750.000	348.880.000
	11.2023.KHPC/HĐTD - Mua các TSCĐ thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	8,4%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		6.037.539.000	5.205.539.000	832.000.000		6.453.539.000	5.621.539.000	832.000.000
	12.2023.KHPC/HĐTD - Mua TSCĐ thuộc gói tín dụng 2/2023 (camera nhiệt, máy photocopy) - vay Agribank	VND	8,4%/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		149.752.000	77.752.000	72.000.000		185.752.000	113.752.000	72.000.000
8	Ngân hàng TMCP Á Châu					-	2.968.004.000	-	2.968.004.000	-	6.005.432.000	-	6.005.432.000
	Vay mua Công tơ điện 2021	VND	8,4%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 11/2022		2.968.004.000	-	2.968.004.000		6.005.432.000	-	6.005.432.000
9	Công ty tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFC)					-	11.720.622.404	7.813.758.404	3.906.864.000	-	13.474.555.404	9.767.190.404	3.707.365.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	8,7%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 3/2020 đến từ tháng 12/2020		11.720.622.404	7.813.758.404	3.906.864.000		13.474.555.404	9.767.190.404	3.707.365.000
10	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang						86.676.652.597	69.856.652.597	16.820.000.000		95.086.652.597	78.266.652.597	16.820.000.000
	Các dự án đầu tư xây dựng và cải tạo lưới điện thuộc kế hoạch ĐTXD 2022	VND	8,2%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2023		81.837.878.597	68.217.878.597	13.620.000.000		88.647.878.597	75.027.878.597	13.620.000.000
	Vay mua Công tơ điện 2022	VND	8,2%/năm	60 tháng	06 tháng, từ tháng 08/2023		4.838.774.000	1.638.774.000	3.200.000.000		6.438.774.000	3.238.774.000	3.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
11	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - CN Đà Nẵng						71.483.705.739	70.786.628.166	697.077.573		71.483.705.739	71.483.705.739	-
	30-005-311-504 - Vay mua sắm TSCĐ và ĐTXD 2024 Shinhan bank	VND	8%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2026		11.850.318.739	11.153.241.166	697.077.573		11.850.318.739	11.850.318.739	-
	30-005-715-330 - Vay tài trợ dự án ĐTXD 2025 gói 1 Shinhan bank	VND	7,85%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2026		28.399.387.000	28.399.387.000	-		28.399.387.000	28.399.387.000	-
	130-005-856-077 - Vay tài trợ dự án mua sắm TSCĐ và ĐTXD 2025 gói 3 Shinhan bank	VND	7,85%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 09/2026		31.234.000.000	31.234.000.000	-		31.234.000.000	31.234.000.000	-
II.	NỢ DÀI HẠN												
1	Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	VND	0%/năm	120 tháng	12 tháng		15.607.375.029	15.552.684.846	54.690.183		15.607.375.029	15.552.684.846	54.690.183
2	Các đối tượng khác	VND	0%/năm				128.865.000	128.865.000	-		128.865.000	128.865.000	-
	TỔNG CỘNG					\$1.124.006,53	677.242.300.098	540.576.578.064	136.665.722.034	\$1.221.417,06	752.763.858.619	609.822.784.232	142.941.074.387

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.23. Vốn chủ sở hữu

4.23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2025	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	89.384.755.459	703.329.939.619
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	12.535.881.035	12.535.881.035
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024	-	-	-	-	-	(29.220.700.000)	(29.220.700.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.188.373.000)	(30.188.373.000)
Số dư tại ngày 30/06/2025	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	42.511.563.494	656.456.747.654
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	44.175.721.496	44.175.721.496
Số dư tại ngày 01/01/2026	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	86.687.284.990	700.632.469.150
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	1.097.688.896	1.097.688.896
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 (i)	-	-	-	-	-	(20.362.406.320)	(20.362.406.320)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(30.188.373.000)	(30.188.373.000)
Tại ngày 30/06/2026	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	37.234.194.566	651.179.378.726

- (i) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2026.
- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2026 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 8%/VĐL lưu hành (trong đó 5%/VĐL lưu hành chi trả bằng tiền, 3%/VĐL lưu hành chi trả bằng cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.23.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01/01	604.059.670.000	604.059.670.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06	604.059.670.000	604.059.670.000

4.23.3. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	322.808.680.000	322.808.680.000
Các cổ đông khác	280.958.780.000	280.958.780.000
Cổ phiếu quỹ	292.210.000	292.210.000
Cộng	604.059.670.000	604.059.670.000

4.23.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.405.967	60.405.967
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu phổ thông	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	29.221	29.221
- Cổ phiếu phổ thông	29.221	29.221
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.376.746	60.376.746
- Cổ phiếu phổ thông	60.376.746	60.376.746
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.23.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	1.097.688.896	12.535.881.035
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(4.501.031.391)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.097.688.896	8.034.849.644
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.376.746	60.376.746
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	133

4.23.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	1.097.688.896	12.535.881.035
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(4.501.031.391)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.097.688.896	8.034.849.644
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.376.746	60.376.746
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	60.376.746	60.376.746
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18	133

(*) Năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch cụ thể trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của kỳ này có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2026 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2025 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế. Theo đó, lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được trình bày lại là 133 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo kỳ trước là 208 VND/cổ phiếu).

4.23.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/06/2026 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 8%/VĐL lưu hành (trong đó 5%/VĐL lưu hành chi trả bằng tiền, 3%/VĐL lưu hành chi trả bằng cổ phiếu).

Nghị quyết HĐQT số 138/NQ-KHPC ngày 16/06/2026 đã phê duyệt việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ chi trả 5%/VĐL lưu hành, tương ứng 30.188.373.000 VND, ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông là 30/06/2026, thời gian chi trả cổ tức cho cổ đông là 10/07/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nghị quyết HĐQT số 143/NQ-KHPC ngày 25/06/2026 đã phê duyệt việc triển khai chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu cho cổ đông với tỷ lệ chi trả 3%/VĐL lưu hành, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 1.811.302 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá 18.113.020.000 VND. Thời gian thực hiện trong quý III/2026 + Quý IV/2026 và sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4.23.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2026	1.130.697.119
Trích trong kỳ	-
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2026	1.130.697.119

4.24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.327.828.762	9.333.745.406
Cộng	9.327.828.762	9.333.745.406

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Doanh thu bán điện	4.136.326.109.299	3.567.767.461.749
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	28.401.313.380	28.092.654.483
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	25.735.115.571	28.713.605.984
- Xây lắp điện	12.609.177.859	15.185.957.122
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	787.353.704	585.482.099
- Lắp dây, đặt điện	4.756.827.129	4.802.306.781
- Sửa chữa, thí nghiệm điện, kiểm định	7.581.756.879	8.139.859.982
Doanh thu dịch vụ	6.423.010.592	5.778.636.715
Doanh thu nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	16.574.421.398	6.176.056.514
Cộng	4.213.459.970.240	3.636.528.415.445
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.859.319.048	1.510.538.359

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn bán điện	4.070.136.391.095	3.492.112.042.728
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	8.454.265.552	14.075.577.474
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	19.404.606.264	21.382.718.253
- Xây lắp điện	10.061.367.918	11.955.873.956
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	560.438.180	364.070.383
- Mắc dây, đặt điện	3.656.594.227	3.612.503.859
- Sửa chữa, thí nghiệm điện, kiểm định	5.126.205.939	5.450.270.055
Giá vốn dịch vụ	1.606.839.028	1.082.742.374
Giá vốn nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	7.132.566.891	2.849.814.545
Cộng	4.106.734.668.830	3.531.502.895.374

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.857.960.692	9.413.301.448
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.157.484.400	604.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.669.229	30.046.246
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.309.154	172.201.214
Cộng	11.095.423.475	10.220.048.908

5.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	26.839.778.596	26.489.174.678
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	100.036.581	987.801.865
Cộng	26.939.815.177	27.476.976.543

5.5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng công cụ	10.982.811.392	9.638.859.705
Chi phí nhân viên bán hàng	24.057.635.831	17.122.147.416
Chi phí khấu hao tài sản	-	26.496.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.325.613.145	4.976.038.152
Chi phí bằng tiền khác	1.694.674.527	1.075.519.384
Cộng	41.060.734.895	32.839.060.957

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	457.041.846	631.251.001
Chi phí nhân viên quản lý	34.367.611.938	19.880.624.943
Chi phí khấu hao tài sản	6.291.266.818	5.916.108.219
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	-	(69.148.490)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.201.942.772	4.642.337.825
Chi phí bằng tiền khác	11.104.882.912	8.072.076.071
Cộng	55.422.746.286	39.073.249.569

5.7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ, vật tư thu hồi	4.957.452.125	-
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	70.864.030	34.289.735
Các khoản thu nhập khác	3.658.941.712	912.543.263
Cộng	8.687.257.867	946.832.998

5.8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tiền chậm nộp thuế	19.690.781	36.288
Các khoản chi phí khác	1.772.793.134	1.052.462.854
Cộng	1.792.483.915	1.052.499.142

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.208.979.737	36.504.358.048
Chi phí nhân công	188.524.489.376	159.043.978.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.021.856.631	115.855.919.795
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	-	(69.148.490)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.810.911.826.398	3.261.858.272.198
Chi phí khác bằng tiền	29.818.337.543	24.159.241.637
Cộng	4.206.485.489.685	3.597.352.622.016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.292.202.479	15.750.615.766
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(319.634.566)	323.057.891
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	837.849.834	927.557.891
- Chi phí không được trừ	837.849.834	927.557.891
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.157.484.400)	(604.500.000)
- Cổ tức được nhận	(1.157.484.400)	(604.500.000)
Tổng thu nhập tính thuế	972.567.913	16.073.673.657
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	194.513.583	3.214.734.731

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	128.816.505.467
Cộng	-	128.816.505.467

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	75.621.595.102	263.806.796.040
Cộng	75.621.595.102	263.806.796.040

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là bán điện trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa thuộc lãnh thổ duy nhất là Việt Nam. Doanh thu từ bán điện chiếm 98,2% tổng doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực
 Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Trường Cao đẳng Điện lực Miền Trung
 Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty
 Điện lực miền Trung (NPMU)
 Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung
 Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa
 Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng Công ty Điện lực
 Miền Trung (nay là Công ty Điện lực Đắk Lắk) (*)
 Công ty Điện lực Đắk Lắk
 Công ty Điện lực Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng
 Công ty Điện lực Miền Trung
 Công ty Tư vấn điện Miền Trung - CN Tổng Công ty
 Điện lực Miền Trung
 Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung
 - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Trung
 Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Các bên liên quan khác trong nội bộ tập đoàn
 và bên liên quan khác theo quy định hiện hành

Mối quan hệ

Công ty mẹ tối cao
 Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Công ty liên kết
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Chung 1 thành viên Hội đồng
 quản trị
 Thành viên Ban Quản lý
 Bên liên quan khác

(*) Sáp nhập Công ty Điện lực Phú Yên và Công ty Điện lực Đắk Lắk thành Công ty Điện lực Đắk Lắk (PC Đắk Lắk) từ ngày 1/7/2025.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	77.350.256	73.698.588
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Trung	434.254.613	18.868.628
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)	42.570.000	-
Công ty Điện lực Khánh Hòa	2.865.209	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	557.040.078	92.567.216

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.331.173.127	211.368.975
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)	754.520.000	754.520.000
Cộng - Xem thêm mục 4.4	3.085.693.127	965.888.975
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.000.000	321.105.400
Cộng - Xem thêm mục 4.5	6.000.000	321.105.400
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	583.873.333.601	317.938.386.007
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	3.189.661.200	2.357.956.440
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung	719.261.073	992.815.893
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	824.419.013	286.819.005
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	314.139.802	-
Cộng - Xem thêm mục 4.13	588.920.814.689	321.575.977.345
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)	162.753.723	162.753.723
Cộng - Xem thêm mục 4.14	162.753.723	162.753.723
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	531.909.698	586.937.839
- Phải trả lãi vay	531.909.698	586.937.839
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.776.927	2.508.716
- Phải trả lãi vay	1.776.927	2.508.716
Cộng - Xem thêm mục 4.18	533.686.625	589.446.555
Doanh thu chờ phân bổ		
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	21.493.080	-
- Doanh thu cho thuê máy biến áp chờ phân bổ	21.493.080	-
Cộng - Xem thêm mục 4.19	21.493.080	-
Vay và nợ thuê tài chính		
Vay dài hạn	29.747.956.823	32.217.317.792
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.331.510.703	4.427.060.025
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	26.416.446.120	27.790.257.767
Cộng - Xem thêm mục 4.22	29.747.956.823	32.217.317.792

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Công ty Điện lực Phú Yên <i>Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành</i>	-	570.447.618
Công ty Điện lực Khánh Hòa <i>Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành</i>	516.439.342	-
<i>Cho thuê Văn phòng</i>	441.443.987	-
Công ty Điện lực Đắk Lắk <i>Bán dịch vụ thí nghiệm điện</i>	28.984.346	-
Ban QLDA lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (NPMU) <i>Bán dịch vụ biên soạn quy trình</i>	42.570.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa <i>Bán điện</i>	380.095.408	389.314.092
<i>Cho thuê máy biến áp</i>	21.493.080	21.493.080
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Trung <i>Bán dịch vụ quản lý vận hành, nghiệm thu, xây lắp</i>	332.362.748	358.951.769
<i>Bán điện</i>	95.930.137	170.331.800
Cộng - Xem thêm mục 5.1	1.859.319.048	1.510.538.359

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>Trả gốc vay</i>	1.106.752.543	1.072.094.409
<i>Trả lãi vay</i>	24.891.466	37.442.418
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung <i>Mua điện thương phẩm</i>	3.312.302.728.189	2.852.587.003.001
<i>Mua dịch vụ khác</i>	26.077.244	109.616.035
<i>Chia cổ tức</i>	16.140.434.000	16.140.434.000
+ Cổ tức đã chi trả	-	16.140.434.000
+ Cổ tức chưa chi trả	16.140.434.000	-
<i>Trả gốc vay</i>	1.462.645.007	1.416.842.043
<i>Trả lãi vay</i>	697.354.639	829.988.817
Công ty Điện lực Phú Yên <i>Thuê tài sản</i>	-	40.767.920.874
Công ty Điện lực Khánh Hòa <i>Thuê tài sản</i>	90.415.940.765	-
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung <i>Mua vật tư</i>	3.203.987.000	7.046.847.900
<i>Mua dịch vụ kiểm định, sửa chữa, dịch vụ đo xa</i>	993.215.399	406.601.616
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung <i>Mua dịch vụ kiểm định</i>	-	121.069.268

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung <i>Dịch vụ Tư vấn</i>	-	571.388.194
Trường Cao đẳng Điện lực Miền Trung <i>Dịch vụ đào tạo</i>	-	241.653.598
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung <i>Mua dịch vụ khác</i>	223.815.637	473.585.433
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa <i>Mua vật tư</i>	1.028.721.309	493.298.127
<i>Nhận cổ tức</i>	604.500.000	604.500.000

Thù lao của các thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đối tượng	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/06/2026)	6.080.000	34.776.000
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	7.452.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	7.452.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT độc lập	136.126.800	37.209.000
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/06/2026)	110.145.760	8.653.920
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	116.225.760	8.653.920
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	123.699.600	57.547.200
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS	123.699.600	57.547.200
Cộng		615.977.520	219.291.240

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối tượng	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
		VND	VND
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Chủ tịch HĐQT	716.856.260	645.891.242
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	700.492.089	635.476.653
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	17.811.222
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	-	17.811.222
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/06/2026)	-	27.858.102
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT độc lập	9.619.800	22.811.222
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/06/2026)	-	2.222.222
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	-	2.222.222
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)	59.901.150	493.555.571
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2025)	158.221.775	442.015.992
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2025), Phó Tổng Giám đốc	582.890.940	461.710.712
Ông Nguyễn Đặng Thanh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	585.025.662	396.747.947
Ông Nguyễn Chí Diểu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2026)	320.361.530	-
Bà Nguyễn Thị Chí	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 11/06/2026)	-	-
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 11/06/2026)	586.580.460	487.432.093
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	-	15.922.600
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS	-	15.922.600
Cộng		3.719.949.666	3.685.411.622

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**Công ty là bên cho thuê**

Công ty cho thuê văn phòng, cho thuê máy biến áp theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê văn phòng có kỳ hạn từ 1 năm đến 3 năm, các hợp đồng cho thuê máy biến áp có kỳ hạn từ 1 tháng đến 1 năm.

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Doanh thu cho thuê hoạt động trong kỳ	6.380.440.592	5.731.636.715
Tổng cộng	6.380.440.592	5.731.636.715

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**Công ty là bên đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản thuê hoạt động các tài sản với Công ty Điện lực Phú Yên (nay là Công ty Điện lực Đắk Lắk) theo các Nghị quyết số 74/NQ-HĐTV ngày 24/02/2020, Nghị quyết số 648/NQ-HĐTV ngày 01/10/2020, Nghị quyết số 973/NQ-HĐTV ngày 31/12/2021 về việc cho thuê tài sản các dự án điện do EVNCPC trực tiếp đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Nghị quyết HĐQT số 222/NQ-KHPC ngày 15/08/2025 phê duyệt ký phụ lục thay đổi chủ thể các hợp đồng/phụ lục hợp đồng thuê tài sản với chủ thể bên cho thuê sau thay đổi là Công ty Điện lực Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/07/2025. Theo đó, các dự án đã thuê bao gồm:

Tài sản đi thuê	Nguyên giá tài sản đi thuê 1.000.000 VND
- Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV từ TBA 110kV Nha Trang Ninh Hòa	91.112
- Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP, vay vốn WB	92.326
- Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015 - 2020 (Dự án 2081 tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1,2 và 3)	68.335
- TBA 110kV Trung tâm Nha Trang và đầu nối	172.992
- Công trình đầu nối 110kV sau TBA 220kV Vân Phong	31.275
- Nâng cao KN mang tải ĐZ 110 kV Suối dầu Cam Ranh	80.547
- Tài sản lưới điện đường sắt tỉnh Khánh Hòa	2.151
- Mở rộng TTGS vận hành LĐ tại EVNCPC kết nối dữ liệu SCADA với 13 TTĐK tại các tỉnh miền Trung	248
- Dự án TBA 110kV Lương Sơn và đầu nối	48.802
- Dự án TBA 110kV Trung tâm Cam Ranh và đầu nối	39.107
- Cải tạo và phát triển lưới điện Trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Khánh Hòa (KfW3.2)	39.937
- Công trình "Đường Nha Trang đi Đà Lạt, đoạn Nha Trang - Diên Khánh (Cao Ba Quát - Cầu Lùng)"	3.199
- Công trình "Cơ sở hạ tầng khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, tỉnh Khánh Hòa: Hạng mục Cấp ngầm trung áp và Trạm biến áp"	242
- Công trình "Dự án nâng cấp mở rộng Hương Lộ 39 (giai đoạn 2), tỉnh Khánh Hòa: Hạng mục Xây dựng mới 01 TBA và đường dây trung áp"	209
- Công trình "Nhánh rẽ cáp ngầm 22kV và Trạm biến áp 22/0,4kV-160kVA cấp điện doanh trại Trung tâm 75 - Tổng cục II - Bộ Quốc phòng"	144
- Đường dây 110kV mạch kép thuộc dự án Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Cam Ranh"	13.286
- Công trình "Hệ thống điện trung, hạ áp và các trạm biến áp thuộc dự án KĐT mới Lê Hồng Phong I, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa"	11.904
- Công trình "Hệ thống điện trung, hạ áp và các trạm biến áp thuộc dự án KĐT mới Lê Hồng Phong II, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa"	18.000
- Các công trình tiếp nhận từ Bộ tư lệnh Vùng 4 Hải Quân	269.921
Cộng	983.737

Thời hạn thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động (thuê tài sản) là từ 1 năm đến 10 năm.

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí thuê hoạt động (thuê tài sản) ghi nhận trong kỳ	90.415.940.765	40.767.920.874

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.1, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập và trình bày theo Thông tư 99. Do đó, một số dữ liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 do việc áp dụng Thông tư 99, cụ thể như sau:

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Trích):

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2026 (được báo cáo lại)	Phân loại lại theo Thông tư 99	Tại ngày 01/01/2026 (đã báo cáo trước đây)
		VND	VND	VND
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	6.445.780	6.445.780	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	17.131.217.187	(6.445.780)	17.137.662.967
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	358.336.219.177	8.336.219.177	350.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	42.061.187.071	(8.336.219.177)	50.397.406.248

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 06/08/2026, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 với tổng số cổ phiếu đã phân phối là 1.809.772 cổ phiếu và tổng số cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành là 62.215.739 cổ phiếu.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập